

**BẢNG GIÁ PHỤ TÙNG ỐNG NHỰA PP-R
 ÁP DỤNG TỪ NGÀY 15-4-2026 ĐẾN KHI CÓ THÔNG BÁO MỚI**

Phụ tùng ống nhựa PP-R						Phụ tùng ống nhựa PP-R							
STT	Sản Phẩm		PN (bar)	Đơn giá (đồng/cái)		STT	Sản Phẩm		PN (bar)	Đơn giá (đồng/cái)			
	Tên	Quy cách		Chưa thuế	Thanh toán		Tên	Quy cách		Chưa thuế	Thanh toán		
1	Nối trơn (Plain socket)		20	4,300	4,644	4	Co 90° (90° Elbow)	20	20	8,100	8,748		
			25	7,200	7,776			25	20	10,800	11,664		
			32	11,100	11,988			32	20	18,600	20,088		
			40	17,800	19,224			40	20	30,800	33,264		
			50	32,200	34,776			50	20	53,600	57,888		
			63	67,600	73,008			63	20	164,100	177,228		
			75	106,900	115,452			75	20	214,000	231,120		
			90	181,000	195,480			90	20	335,800	362,664		
			110	293,300	316,764			110	20	687,700	742,716		
			125	553,400	597,672			125	20	1,068,300	1,153,764		
			140	790,100	853,308			140	20	1,394,400	1,505,952		
			160	1,107,000	1,195,560			160	20	2,227,600	2,405,808		
		2	Nối rút (Reducing socket)	25 x 20	20			6,600	7,128	5	Co 45° (45° Elbow)	20	20
32 x 20	20			9,400	10,152	25	20	10,800	11,664				
32 x 25	20			9,600	10,368	32	20	16,100	17,388				
40 x 20	20			14,600	15,768	40	20	32,000	34,560				
40 x 25	20			14,700	15,876	50	20	61,400	66,312				
40 x 32	20			15,000	16,200	63	20	142,100	153,468				
50 x 20	20			25,700	27,756	75	20	211,100	227,988				
50 x 25	20			26,100	28,188	90	20	251,300	271,404				
50 x 32	20			26,500	28,620	110	20	437,700	472,716				
50 x 40	20			26,800	28,944	140	20	1,055,500	1,139,940				
63 x 20	20			49,700	53,676	160	20	1,279,900	1,382,292				
63 x 25	20			50,400	54,432	6	Co đôi 90° ren trong thau (Brass female thread double 90° elbow)	25 x 1/2"	20			188,400	203,472
63 x 32	20			50,800	54,864								
63 x 40	20			51,200	55,296								
63 x 50	20			51,700	55,836								
75 x 32	20			88,700	95,796								
75 x 40	20			96,900	104,652			7	Co 90° ren trong thau (Brass female thread 90° elbow)	20 x 1/2"	20	74,600	80,568
75 x 50	20			96,900	104,652	20 x 3/4"	20			91,000	98,280		
75 x 63	20			96,900	104,652	25 x 1/2"	20			84,800	91,584		
90 x 40	20			140,800	152,064	25 x 3/4"	20			114,100	123,228		
90 x 50	20			140,800	152,064	32 x 3/4"	20			182,000	196,560		
90 x 63	20			170,800	184,464	32 x 1"	20			210,900	227,772		
90 x 75	20			170,800	184,464	8	Co 90° ren ngoài thau (Brass male thread 90° elbow)			20 x 1/2"	20	105,000	113,400
110 x 50	20			249,500	269,460			20 x 3/4"	20	117,000	126,360		
110 x 63	20			334,900	361,692			25 x 1/2"	20	118,700	128,196		
110 x 75	20			334,900	361,692			25 x 3/4"	20	140,300	151,524		
110 x 90	20			349,800	377,784			32 x 3/4"	20	182,000	196,560		
125 x 90	20			384,300	415,044			32 x 1"	20	223,300	241,164		
125 x 110	20			534,600	577,368	9	Chữ T (Tee)	20	20	9,400	10,152		
140 x 110	20			1,136,200	1,227,096			25	20	14,700	15,876		
160 x 110	20	1,190,000	1,285,200	32	20			23,900	25,812				
160 x 125	20	1,196,000	1,291,680	40	20			52,400	56,592				
160 x 140	20	1,208,000	1,304,640	50	20			76,800	82,944				
				63	20			184,300	199,044				
				75	20			283,700	306,396				
				90	20			416,500	449,820				
				110	20			643,100	694,548				
				125	20			1,386,600	1,497,528				
3	Co 90° rút (90° Reducing elbow)	25 x 20	20	14,200	15,336	140	20	1,456,300	1,572,804				
		32 x 20	20	18,200	19,656	160	20	2,670,100	2,883,708				
		32 x 25	20	23,100	24,948								

M.S.D.N. 01
 X. NHỰA

*Sản phẩm phụ tùng ống nhựa PP-R do Nhựa Bình Minh sản xuất. Nếu Quý khách có nhu cầu khác, vui lòng liên hệ với chúng tôi.

Handwritten signature

Phụ tùng ống nhựa PP-R						Phụ tùng ống nhựa PP-R					
STT	Sân Phẩm		PN (bar)	Đơn giá (đồng/cái)		STT	Sân Phẩm		PN (bar)	Đơn giá (đồng/cái)	
	Tên	Quy cách		Chưa thuế	Thanh toán		Tên	Quy cách		Chưa thuế	Thanh toán
10	Nối ren ngoài thau (Brass male thread socket)	20 x 1/2"	20	84,800	91,584	19	Chữ T rút (Reducing tee)	25 x 20	20	14,700	15,876
		20 x 3/4"	20	93,600	101,088			32 x 20	20	25,700	27,756
		25 x 1/2"	20	97,900	105,732			32 x 25	20	26,000	28,080
		25 x 3/4"	20	118,200	127,656			40 x 20	20	56,600	61,128
		32 x 3/4"	20	145,600	157,248			40 x 25	20	57,100	61,668
		32 x 1"	20	213,200	230,256			40 x 32	20	57,600	62,208
		40 x 1.1/4"	20	508,200	548,856			50 x 20	20	99,500	107,460
		50 x 1.1/2"	20	635,200	686,016			50 x 25	20	100,400	108,432
		63 x 2"	20	1,076,300	1,162,404			50 x 32	20	101,300	109,404
		75 x 2.1/2"	20	1,649,700	1,781,676			50 x 40	20	102,300	110,484
		90 x 3"	20	3,334,600	3,601,368			63 x 20	20	172,600	186,408
110 x 4"	20	5,610,400	6,059,232	63 x 25	20	174,300	188,244				
11	Nối ren trong thau (Brass female thread socket)	20 x 1/2"	20	67,100	72,468	63 x 32	20	175,800	189,864		
		20 x 3/4"	20	81,900	88,452	63 x 40	20	177,500	191,700		
		25 x 1/2"	20	82,000	88,560	63 x 50	20	178,600	192,888		
		25 x 3/4"	20	91,500	98,820	75 x 25	20	238,600	257,688		
		32 x 3/4"	20	118,300	127,764	75 x 32	20	240,800	260,064		
		32 x 1"	20	197,600	213,408	75 x 40	20	242,200	261,576		
		40 x 1"	20	327,600	353,808	75 x 50	20	246,700	266,436		
		40 x 1.1/4"	20	369,700	399,276	75 x 63	20	246,700	266,436		
		50 x 1.1/2"	20	490,500	529,740	90 x 40	20	364,500	393,660		
		63 x 2"	20	992,600	1,072,008	90 x 50	20	371,800	401,544		
		75 x 2.1/2"	20	1,413,000	1,526,040	90 x 63	20	403,700	435,996		
90 x 3"	20	2,833,500	3,060,180	90 x 75	20	426,900	461,052				
110 x 4"	20	4,108,000	4,436,640	110 x 63	20	627,900	678,132				
12	Bộ bích kép: Mặt bích, vai bích kép kèm gioăng (Flange with seal & backing)	32	20	935,900	1,010,772	110 x 75	20	635,400	686,232		
		40	20	1,076,400	1,162,512	110 x 90	20	638,400	689,472		
		50	20	1,121,300	1,211,004	125 x 75	20	1,160,100	1,252,908		
		63	20	1,228,900	1,327,212	125 x 90	20	1,239,600	1,338,768		
		75	20	1,459,100	1,575,828	140 x 63	20	1,638,500	1,769,580		
		90	20	1,804,500	1,948,860	140 x 75	20	1,734,200	1,872,936		
		110	20	2,357,700	2,546,316	140 x 90	20	1,888,900	2,040,012		
		125	20	3,027,400	3,269,592	140 x 110	20	1,941,300	2,096,604		
		140	20	3,139,500	3,390,660	140 x 125	20	2,326,500	2,512,620		
13	Ống tránh (Bridging piece)	20	20	21,200	22,896	160 x 90	20	2,197,700	2,373,516		
		25	20	39,800	42,984	160 x 110	20	2,333,900	2,520,612		
		32	20	70,600	76,248	160 x 125	20	2,606,900	2,815,452		
		40	20	113,000	122,040						
		50	20	209,300	226,044						
14	Van xoay (Gate valve)	20	20	352,800	381,024	20	Chữ T ren ngoài thau (Brass male thread tee)	20 x 1/2"	20	92,700	100,116
		25	20	405,900	438,372			20 x 3/4"	20	110,800	119,664
		32	20	582,300	628,884			25 x 1/2"	20	100,600	108,648
		40	20	980,100	1,058,508			25 x 3/4"	20	121,700	131,436
		50	20	1,528,400	1,650,672			32 x 1"	20	255,800	276,264
		63	20	2,355,100	2,543,508	50 x 3/4"	20	418,600	452,088		
		75	20	6,548,100	7,071,948	50 x 1"	20	470,600	508,248		
15	Van gạt (Ball valve)	20	20	329,700	356,076	21	Chữ T ren trong thau (Brass female thread tee)	20 x 1/2"	20	75,300	81,324
		25	20	405,900	438,372			20 x 3/4"	20	104,000	112,320
		32	20	574,400	620,352			25 x 1/2"	20	80,500	86,940
		40	20	828,500	894,780			25 x 3/4"	20	117,400	126,792
		50	20	1,256,200	1,356,696			32 x 1"	20	256,100	276,588
		63	20	1,958,900	2,115,612			50 x 3/4"	20	494,000	533,520
16	Van chặn (Stop valve)	25	20	356,500	385,020	50 x 1"	20	520,000	561,600		
17	Nắp khóa ren ngoài (Male thread end cap)	20 x 1/2"	20	18,100	19,548	22	Bộ khớp nối sổng (Barrel union)	20	20	52,800	57,024
		25 x 3/4"	20	19,500	21,060			25	20	82,000	88,560
				32	20			119,300	128,844		
				40	20			129,200	139,536		
				50	20			196,000	211,680		
				63	20			457,300	493,884		

Phụ tùng ống nhựa PP-R					
STT	Sản Phẩm		PN (bar)	Đơn giá (đồng/cái)	
	Tên	Quy cách		Chưa thuế	Thanh toán
18	Nắp khóa (End cap)	20	20	4,000	4,320
		25	20	6,800	7,344
		32	20	10,300	11,124
		40	20	13,700	14,796
		50	20	25,500	27,540
		63	20	127,100	137,268
		75	20	217,400	234,792
		90	20	244,500	264,060
		110	20	269,100	290,628

Phụ tùng ống nhựa PP-R					
STT	Sản Phẩm		PN (bar)	Đơn giá (đồng/cái)	
	Tên	Quy cách		Chưa thuế	Thanh toán
23	Khớp nối sống ren ngoài thau (Brass male thread union)	25 x 3/4"	20	371,800	401,544
		32 x 1"	20	584,400	631,152
		50 x 1.1/2"	20	1,530,200	1,652,616
		63 x 2"	20	2,069,900	2,235,492
24	Khớp nối sống ren trong thau (Brass female thread union)	20 x 1/2"	20	223,600	241,488
		25 x 3/4"	20	358,200	386,856
		32 x 1"	20	524,900	566,892
		40 x 1.1/4"	20	822,500	888,300
		50 x 1.1/2"	20	1,432,600	1,547,208
		63 x 2"	20	1,909,300	2,062,044



*Sản phẩm phụ tùng ống nhựa PP-R do Nhựa Bình Minh sản xuất. Nếu Quý khách có nhu cầu khác, vui lòng liên hệ với chúng tôi.

Handwritten signature